TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Khái lược Đạo Cao Đài

ISSN: 2734-9195 14:50 12/10/2025

Ngày 7 tháng 10 năm 1926, xin phép thành lập Đạo Cao Đài (gồm 18 hội viên sáng lập với 247 chữ ký đệ trình lên Thống đốc Nam kỳ).

Tác giả: **Sa môn Lê Văn Phước**

Thời kỳ phôi thai

Những vị đầu tiên khởi xướng sáng lập Đạo Cao Đài gồm:

1) Ông Ngô Minh Chiêu (1878-1932) được các tín đồ đạo Cao Đài công nhận là môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài Tiên Ông.

2) Ông Lê Văn Trung (1876-1934), thánh danh là Thượng Trung Nhật, là một trong những nhà lãnh đạo tôn giáo Cao Đài, có những đóng góp quan trọng trong giai đoạn hình thành và phát triển của tôn giáo này.

3) Ông Phạm Công Tắc (1890-1959), tự là Ái Dân, biệt hiệu Tây Sơn Đạo, là một trong những lãnh đạo trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống tôn giáo của đạo Cao Đài. Ba vị Trưởng lão này tạo các nhóm cầu cơ.

Tòa Thánh Tây Ninh (cơ sở Đạo Cao Đài). Ảnh sưu tầm

Thời kỳ và gốc cội phát sinh Đạo Cao Đài

Ông Ngô Minh Chiêu sinh ngày 28 tháng 2 năm 1878 tại Bình Tây, Chợ Lớn, Gia Định Thành. Ông sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó. Khi ông mới vừa lọt lòng mẹ, tiếng khóc chào đời (theo lời kể của các tín đồ Đạo Cao Đài) cậu Chiêu không chịu bú sữa mẹ, chỉ thích uống nước cháo gạo. Sau đó song thân phụ mẫu của ông đã di cư về Mỹ Tho và sau đó được người dì gửi ông đến trường học. Cậu Chiêu rất thông minh, 12 tuổi được xuất học bổng. Sau đó được nhập ngạch Thư ký Sở Di trú ở Sài Gòn, ông làm việc ở đây được 3 năm.

Năm 1902, ông được bổ nhậm chức Tri phủ ở Đảo ngọc Phú Quốc(1).

Thuở thiếu niên xuân sắc, ông đam mê về truyện Thần Thánh, Thần thoại... Thời gian trên cương vị Tri phủ Đảo ngọc Phú Quốc, thuận tiện giúp ông chuyên chú về nghi lễ, chiêu hồn (cầu cơ, cầu tiên).

Thuở nhỏ, ông từng theo cầu cơ, cầu tiên nên đã rất thạo việc chế khí cụ cầu cơ, cầu tiên (dùng một quả bầu khô rỗng ruột bên trong, bên cạnh quả bầu buộc một cành đạo tượng trưng bút tiên hai bên hầu có hai người ngồi. Mỗi người một ngón tay thò vào quay quả bầu, nâng cao quả bầu lên, chung quanh người ta ngồi đọc chầu văn cầu tiên. Một lúc quả bầu lắc lư điều khiển cành đào hạ bút xuống mâm gạo thảo những bài thơ dạy về tiên tri... Như thế gọi là cầu

cơ, giáng bút.

Vị Thần linh tiếp xúc với ông Ngô Minh Chiêu, có một vị ân cầu hơn hết đó là vị Thần Cao Đài. Chữ Cao Đài có nghĩa là Đền cao. Xuất xứ chữ Cao Đài trong quyển Thánh kinh Thệ Phán (xuất bản năm 1913 tại Thượng Hải, Trung Hoa Dân Quốc). Chữ Cao Đài có nghĩa là Thượng Đế là vị Tối Cao.

Sau đó, vị Thần **Cao Đài** cho ông Ngô Minh Chiêu dung biểu tượng một con mắt "*Thiên Nhãn*" (□□) bởi con mắt là chủ động của tâm linh.

Ngày 24 tháng 12 năm 1925, trong cuộc hội đồng chiêu hồn Cao Đài phán dạy một thông cáo quan hệ nhất: *"Hãy vui mừng đón nhận lễ hôm nay để kỷ niệm ngày ta giáng sinh bên Âu truyền bá đạo Thánh ta. Ta vui mừng vì các đồ đệ yêu mến kính trong ta. Ngôi nhà này sẽ chứa đầy hạnh phúc, uy quyền ta sẽ hiến cho các người càng thêm lòng kính mến ta hơn"*. (2)

Ông Lê Văn Trung sinh ngày 10 tháng 10 năm Bính Tý (tức 25 tháng 11 năm 1876) tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc, hạt Tân An (nay thuộc xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Cha ông là cụ Lê Văn Thanh mất sớm khi ông mới 3 tuổi. Ông lớn lên nhờ sự nuôi dưỡng và giáo dục của mẹ là bà Văn Thị Xuân.

Ông từng theo học tại Lycée Chasseloup Laubat Sài Gòn và tốt nghiệp vào năm 1894.

Ông từng làm Thư ký Phủ toàn quyền Đông Dương (Dinh Norodom), tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) dưới thời Pháp thuộc, sau đó làm hội viên thuộc địa. Thường giúp ông Ngô Minh Chiêu tổ chức cầu cơ.

Ông Lê Văn Trung từng làm nhà thầu khoán, Hội viên Hội đồng thuộc địa Nam kỳ, Hội đồng Chấp chính Đông Dương. Ông nổi danh là nhà duy vật chai đá.

Năm 1925, tại Chợ Lớn, có một người bà con mời ông dự cuộc chiêu hồn. Thần Thái Bạch hiện ra bảo ông Lê Văn Trung biết sứ mệnh tôn giáo đang chờ ông Lê Văn Trung. Ông vì tin như thế và trở về đoạn tuyệt nha phiến (bỏ hút á phiện), từ đó ông bắt đầu sống theo cuộc đời gương mẫu theo tôn giáo.

Ông tiếp đoàn đồng bóng cầu cơ là các ông Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Thượng phẩm chủ Chi Đạo chức sắc Hiệp Thiên Đài của đạo Cao Đài, ông Phạm Công Tắc (1890-1959), một trong những lãnh đạo trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống tôn giáo của đạo Cao Đài.

Ông Phạm Công Tắc sinh ngày 21 tháng 6 năm 1890 (tức mùng 5 tháng 5 năm Canh Dần) tại làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh Tân An (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An).

Năm 1896, ông bắt đầu đi học tiểu học tại Tân An, nơi cha ông công tác, nhưng sau đó cha ông nghỉ việc, đưa cả gia đình về nguyên quán. Ông được rửa tội tại nhà thờ Tây Ninh vào năm 1900. Năm 1906, Phạm Công Tắc vẫn tiếp tục theo học ở trường Chasseloup-Laubat tại Sài Gòn. Năm 1907, ông đậu bằng Thành chung.

Thời gian học trung học, Phạm Công Tắc tham gia tích cực trong phong trào Đông Du tại Sài Gòn do hai ông nhà văn, nhà báo và là nhà cải cách tại Việt Nam, Gilbert Trần Chánh Chiếu (1868-1919) và nhà báo, nhà văn, một người cổ động mạnh mẽ cho thương nghiệp, nhà viết tuồng kiêm bầu gánh hát bội, nghị viên của Hội đồng Tư vấn của Chính phủ Nam Kỳ Lương Khắc Ninh (1862-1943), lãnh đạo. Năm 1908, ông được Hội Minh Tân, một tổ chức con của phong trào Đông Du, chuẩn bị đưa đi nước ngoài; nhưng sau đó, bị bại lộ không đi được. Do bị Chế độ toàn quyền của thực dân Pháp ở Đông Dương chú ý theo dõi, ông phải bỏ học.

Do có trình độ Thành chung, Phạm Công Tắc được nhận vào một hãng buôn làm công. Thời gian này, ông tham gia cộng tác với các báo như Công luận, La Cloche Fêlée (Chuông rè) của Nguyễn An Ninh, La Voix Libre (Tiếng nói tự do), Lục Tỉnh Tân Văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiếu làm chủ bút... với bút danh Ái Dân. Đây là những tờ báo ít nhiều cổ vũ tinh thần dân tộc nên trở thành những cái gai trong mắt chính quyền thực dân Pháp. Sau khi ông Gilbert Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, ông lại về quê.

Sau khi mẫu thân từ giã trần gian, Phạm Công Tắc bắt đầu quan tâm đến cuộc sống tâm linh nhiều hơn. Đầu thập niên 1920, phong trào Thông linh học (Spiritisme) bắt đầu phổ biến tại Nam Kỳ. Vào khoảng tháng 7 năm 1925, ông cùng với các bạn hữu công chức gốc Tây Ninh là Cao Quỳnh Cư và Thượng Sinh chủ chi Thế Hợp Thiên Đài của đạo Cao Đài, Cao Hoài Sang (1901-1971) cùng thử nghiệm lập bàn tại nhà ông Cao Hoài Sang ở đường Arras (nay là đường Cống Quỳnh, vùng chợ Thái Bình, Tp.Hồ Chí Minh). Do các thành viên ban đầu mang họ Cao và họ Phạm, nên còn được gọi là nhóm Cao - Phạm. Nhóm còn có một thành viên nữ là Nữ Đầu sư Nguyễn Thị Hiếu (1886-1971), vợ ông Cao Quỳnh Cư.

Nhóm được cho là tiếp xúc với Thượng đế qua danh hiệu AĂÂ vào khoảng tháng 7 năm 1925. Đến khoảng trung tuần tháng 9 năm 1925, nhóm chuyển sang dùng đại ngọc cơ để cầu cơ. Theo các tài liệu đạo Cao Đài, thì giữa tháng 12

năm đó, nhóm được Thượng đế xưng danh Cao Đài lần đầu tiên.

Nhóm này về sau phát triển thêm nhiều người, quan trọng nhất là việc thu nhận thêm Lê Văn Trung, cựu Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, người về sau giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển đạo Cao Đài.

Toà Thánh Tây Ninh (cơ sở Đạo Cao Đài)

Sự hình thành Đạo Cao Đài

Ngày 7 tháng 10 năm 1926, xin phép thành lập Đạo Cao Đài (gồm 18 hội viên sáng lập với 247 chữ ký đệ trình lên Thống đốc Nam kỳ).

Đầu tiên liên kết với bốn phái cầu cơ

Lúc bấy giờ các ông Đồng bóng (cầu cơ) họp các vị lại dưới quyền chủ toạ của ông Lê Văn Trung, riêng ông Ngô Minh Chiêu được vị nể là anh cả. Ông Chiêu cũng tiếp đoàn và rất thân mật trong đối đãi trong đoàn cầu cơ.

Năm Bính Dần (1926), Đạo Cao Đài được đơm hoa kết trái từ đó: với 12 vị tín đồ. Lúc bấy giờ, ông Ngô Minh Chiêu lại thích lối sống trầm mặc, tính cách lặng lẽ, ít nói và thường xuyên suy tư về những điều xung quanh, vì thế ông xin ra khỏi tôn giáo này, ông Lê Văn Trung được cử trên ngôi vị Quyền Giáo tông.

Ngày 7 tháng 10 năm 1926, 28 hội viên đệ trình lên Thống đốc Nam kỳ thuộc Pháp Maurice Cognacq (1870- 1949) bản tuyên cáo chính thức (Thống đốc La Le Fol) đính kèm theo 247 chữ ký của các tín đồ Đạo Cao Đài. Như thế là một tôn giáo của các nhà chiêu hồn (cầu cơ) được thành hình mệnh danh là *"Đạo Cao*

Đài”.

Nguồn gốc thuật chiêu hồn đã có lâu đời. Từ Trung Hoa và Việt Nam các Nho sĩ lấy phong trào này đặt tên là *“Đạo Lành”* nhưng sau đó các tín đồ Đạo Lành bị chính quyền thuộc địa Pháp truy nã do một nghị định của Đô đốc Durè ban hành ngày 24 tháng 4 năm 1887.

Mặc dù vậy, họ vẫn luôn hoạt động trong bóng tối. Những thập niên 1920, đầu thế kỷ XX các nhà chiêu hồn Pháp đem phổ thông các sách của một bác sĩ và là người đưa thuật thông linh vào đất Pháp, Hippolyte Léon Denizard Rivail, bút danh Allen Kardec (1804- 1869)... Các phái học thức quan lại đều tò mò tìm hiểu và tin theo.

Có bốn phái chiêu hồn (cầu cơ cầu tiên) đồng liên kết tại Tây Ninh

1. Phái Minh Thiên (ở Bình Dương). 2. Phái Minh Lý (ở chợ Đũi, góc đường Testard, Sài Gòn). 3. Phái Minh Tân (ở Khánh Hội, Sài Gòn). 4. Phái Minh Đường (ở Hạnh Thông Tây, Sài Gòn).

Những thập niên 1929, thế kỷ XX, Các nhóm này có Thần linh loan báo Kỷ nguyên mới sắp có Đạo Cao Đài...

Nguồn gốc danh từ “*Tam Kỳ Phổ Độ*”

“*Tam Kỳ Phổ Độ*” là lần thứ ba ân xá của Thượng Đế. Danh từ ấy xuất phát từ thuyết “*Thông cáo Thông linh*” gốc Đại Thanh Đế Quốc Trung Hoa. Năm 1907.

Kỳ một, Đức Phật Thích Ca, Lão Tử ở Đông phương.
Kỳ hai, Chúa Giêsu (Kitô) và ông Maisen.
Kỳ ba, Mạc Khải bên Tây phương

Ban thờ trong Toà Thánh Tây Ninh, cơ sở đạo Cao Đài

Thời kỳ Đạo Cao Đài phát triển

Ngày 14 tháng 11 năm 1926, thành lập Toà Thánh Trung ương tại Chùa Từ Lâm (ở Gò Kén núi Bà Đen, Tây Ninh), vì sự phát triển mạnh do ba phái đoàn đi truyền bá các miền Đông và Tây Nam Việt. Chỉ trong vòng hai tháng có đến hai vạn (20.000) người theo Đạo Cao Đài, trong số đó cũng có những người tai mắt, những người có khả năng nghe ngóng và quan sát, thường là những người chuyên dò la thông tin để cung cấp cho người khác, đặc biệt là những người có quyền thế và danh vọng. Họ nhờ thuật cầu cơ. Có các thông cáo ra trong những buổi lễ cầu khẩn. Nhưng cũng nhờ họ biết dung hoà các giáo thuyết của các tôn giáo khác sẵn có tại Việt Nam.

Trong ngày làm lễ thành lập Toà Thánh Trung ương, do lời cung thỉnh của ông Lê Văn Trung, dân chúng và công chức trong chính phủ đến tham dự. Cũng trong ngày lễ này. Quy tắt tôn giáo của Đạo Cao Đài được họ ấn định.

Trong ngày Đại Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm ngôi Từ Lâm Cổ Tự, ngày 15-10-Bính Dần (dl 19-11-1926) tại Tây Ninh. Các chức sắc tiên phong thấy Thiền sư Như Nhãn Từ Phong (1864-1938) đạo phong cao trọng, một trong những người đóng vai trò quan trọng trong hội "*Phật Lục hòa Liên hợp*" và phong trào Chấn hưng Phật giáo tại Nam Kỳ, cũng như nhân vật từng giữ vai trò nhất định trong Hội Thánh Cao Đài thời kỳ sơ khai, lại có sẵn ngôi chùa khang trang, có ý muốn

tôn Ngài chức Thái Chưởng Pháp và mượn ngôi Từ Lâm Cổ tự 3 tháng để thiết đàn cầu cơ. Ngài chỉ chấp nhận cho mượn ngôi cổ tự 3 tháng, sau gia hạn thêm 1 tháng để tôn giáo bạn có đủ thời giờ xây dựng Thánh thất.

Tháng 3 năm 1927, Tòa thánh Trung ương phải dời về làng Long Thành, Tây Ninh. Được bà Lâm Thị Ngọc dâng cúng số tiền 30.00 đồng vào việc xây cất.

Năm 1934, Đạo Cao Đài chia thành 12 chi phái Hội Thánh Cao Đài. Nhưng đây chỉ nêu những giáo phái quan trọng.

Hội Thánh Cao Đài Minh Dân do ông Ngô Minh Chiêu sáng lập ở Cần Thơ. Năm 1936, Hội Thánh Cao Đài Liên Hòa Tổng hội ra đời, các hội viên sáng lập như các ông nhà báo, nhà hoạt động chính trị Việt Nam nửa đầu thế kỷ 20, Nguyễn Phan Long (1888-1960), Đoàn Văn Bản, Trần Quang Nghiêm, Huệ Lương Trần Văn Quế (1902-1980), hợp nhau lập Hội Thánh Cao Đài này ể tổ chức các cuộc hội Long Vân vận động hòa hợp các chi phái. Liên Hòa Tổng Hội tổ chức được 12 hội Long Vân, nhưng các chi phái rất thờ ơ trong việc hòa hợp. Đến năm 1945 phái này tan rã.

Năm 1931, Hội Thánh Cao Đài Chân Lý ra đời tại Mỹ Tho, do Phối Sư Thái Ca Thanh (Nguyễn Văn Ca) tách ra từ Tòa Thánh Tây Ninh. nguyên là Đốc Phủ Sứ, nhập môn vào đạo Cao Đài năm 1926 và được phong phẩm Phối Sư phái Thái. Đây là phái có số lượng tín đồ đông thứ 6, gồm khoảng 1 vạn tín đồ trên khắp 32 tỉnh, thành phố trực thuộc hệ thống 38 tỉnh, thành có cơ sở thờ tự Cao Đài, với 30 Thánh thất và các trường quy.

Năm 1934, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo được hình thành khi nhị vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951) và Đốc phủ Sứ Chợ Lớn Lê Bá Trang (1879-1936) Thánh danh Ngọc Trang Thanh. Do bất đồng ý kiến trầm trọng với Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Hộ pháp Phạm Công Tắc, nên hai ông rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, về Bến Tre lập Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, với mục đích chấn chỉnh lại nền Đạo, quy tụ được 85 Thánh thất theo về với hai ông. Hiện phái này quản lý hơn 80 vạn tín đồ, với hơn 299 thánh thất ở 25 tỉnh thành. Một số lượng nhỏ tín đồ cư trú tại nước ngoài.

Ông Phạm Công Tắc thay cương vị của ông Lê Văn Trung. Kể từ ngày ông Lê Văn Trung thay ông Ngô Minh Chiêu tổ chức hệ thống Đạo Cao Đài (lề lối giống Đạo Thiên Chúa). Năm 1932, Đạo Cao Đài sở hữu 128 Giáo đường và mười vạn tín đồ (100.000 người).

Đạo Cao Đài chẳng những truyền đạo tại Việt Nam mà còn truyền qua Campuchia.

Năm 1936, Hội nghị Tôn giáo tại Luân Đôn, Vương quốc Anh, Đạo Cao Đài được công nhân là một Tôn giáo khoan hồng. Hội nghị Quốc tế chính thức công nhận rằng: *"Chúng tôi thiết tưởng không bao lâu nữa Đạo Cao Đài sẽ chiếm một đại vị trong các trong các Hội nghị Tôn giáo Quốc tế"*.(3) Ông Lê Văn Trung bị ông Phạm Công Tắc phản đối là hành động thương mại đi lệch tôn chỉ của Đạo Cao Đài. Ông Lê Văn Trung mất tín nhiệm và từ giã trần gian vào năm 1934. Ông Phạm Công Tắc lên ngôi Giáo chủ. Chưởng quản Càn Khôn Đài Và Hợp Thiên Đài.

Năm 1939, Đạo Cao Đài hoạt động chính trị chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 8 năm 1940, nhà cầm quyền Pháp phát lệnh đóng cửa Toà Thánh Tây Ninh, họ bắt ông Phạm Công Tắc và lưu đày ở đảo Madagascar, đảo quốc nằm ngoài khơi bờ biển phía đông nam của châu Phi, thuộc Ấn Độ Dương. Vì thế, Chiến tranh thế giới thứ hai, một cuộc chiến tranh thế giới bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 1939, Pháp bị Đức đánh, lúc bấy giờ tại Việt Nam, các phong trào nổi dậy kháng chiến chống thực dân Pháp. Chức sắc và tín đồ Đạo Cao Đài bày tỏ khí thế trong phong trào này.

Năm 1943, sau ngày Nhật Bản đổ bộ vào Đông Dương ba bốn năm. Lúc bấy giờ Nhật Bản đã giúp Trần Quang Vinh (1897-1977), thánh danh Thượng Vinh Thanh, đạo hiệu Hiển Trung, là một chức sắc cao cấp của đạo Cao Đài với phẩm Phối Sư tổ chức lại Đạo Cao Đài và họ cung cấp vũ trang cho tổ chức Đạo Cao Đài.

Năm 1945, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, lực lượng vũ trang Đạo Cao Đài hợp tác với thế lực ngoại bang, bên trong ông Trần Quang Vinh vẫn độc lập, nên bị lực lượng Mặt trận Việt Minh bắt giam, tước quyền chỉ huy của lực lượng Quân đội Đạo Cao Đài Tây Ninh.

Năm 1956, quân Pháp đã mua chuộc Đạo Cao Đài và đưa ông Phạm Công Tắc về Việt Nam. Lúc này, tín đồ Đạo Cao Đài theo ông Phạm Công Tắc và ly khai với lực lượng Mặt trận Việt Minh. Từ đó được thực dân Pháp viện trợ quân đội Đạo Cao Đài.

Năm 1953, binh đội Đạo Cao Đài tổng số 15.000 chiến sĩ và tín đồ cộng được 1.500.000 người. Nhưng các chức sắc và tín đồ Đạo Cao Đài Bến Tre thì ly khai với lực lượng của Phạm Công Tắc và chung tay góp sức với lực lượng Mặt trận Việt Minh kháng chiến chống thực dân Pháp. Được gọi là lực lượng "*Đạo Cao Đài kháng chiến chống thực dân Pháp*".

Lực lượng thứ hai cầm đầu là Trình Minh Thế (1922-1955) nguyên một chỉ huy cao cấp, mang hàm Thiếu tướng trong Quân đội Đạo Cao Đài.

Thượng tuần tháng 6 năm 1951, ông được cử làm Tham mưu trưởng Quân đội Cao Đài, thay thế Thiếu tướng Nguyễn Thành Phương. Nhưng chỉ hơn 24 tiếng sau, nửa đêm về sáng ngày 7 tháng 6, ông bí mật đem khoảng hơn 1.500 quân bản bộ ly khai khỏi Cao Đài Phục quốc, vượt sông Vàm Cỏ Đông, một chi lưu của sông Vàm Cỏ, thuộc hệ thống sông Đồng Nai đến rừng Bưng Rồ để lập Tổng hành dinh tạm, về sau di chuyển xuống hướng nam trong rừng Bưng Rồ dọc theo biên giới Việt-Miên và lập chiến khu Bù Lu, Tây Ninh. Ngày 8 tháng 6 cùng năm, ông được thăng cấp Thiếu tướng Cao Đài tại chiến khu do Trung tướng Nguyễn Văn Thành, Tổng tư lệnh Quân đội Cao Đài, đại diện cho Hộ pháp Phạm Công Tắc, gắn sao giữa đêm khuya. Nhưng ngay sau đó, ông cùng đội quân của mình chính thức rời khỏi hàng ngũ giáo phẩm Cao Đài và thành lập lực lượng riêng, lấy tên là Liên Minh.

Điểm nổi bật trong chính sách của chính quyền miền Nam những năm 1955-1959 là thực thi *"Tố Cộng, diệt Cộng"*, đánh phá khốc liệt phong trào cách mạng, nhằm củng cố quyền lực của chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm 1955 chính quyền Ngô Đình Diệm đã ban hành lệnh giải giới các Đảng phái, Giáo phái Đạo Cao Đài cũng đồng số phận này.

Ngày 28-4-1956, Quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt hoàn toàn sự có mặt của binh lính Pháp ở Việt Nam sau 98 năm xâm lược.

Tổ chức Giáo phẩm Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài chia tín đồ thành hai hạng: thứ nhất là Thượng thừa, thứ hai là Hạ thừa. Ngoài hai hạng này còn có các chức sắc.

Chức sắc: Có một vị Giáo tông, chọn người đầy đủ tài đức (do cơ bút chấp nhận của đấng bề trên) nên toàn thể tín đồ phải tuân mệnh lệnh.

Có ba vị Chưởng Pháp, mỗi chi phái đại diện một người (Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo), những vị này có quyền khảo sát, chuẩn y và phủ quyết vấn đề tôn giáo và luật pháp. Những biểu quyết của họ phải được toàn thể đồng ý. Họ còn có nhiệm vụ quyết nghị ra thành sách, giáo huấn, và còn có quyền tố cáo vị Giáo tông Thánh toà (Trung ương).

Có ba vị Đầu sư, mỗi phái đại diện một người, có trách nhiệm điều hành tín đồ, hay đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ pháp luật.

36 vị Phối sư chia làm 12 người có Chính Phối sư đứng đầu.

Có 72 vị Giáo sư chia làm hai phái, mỗi phái 24 người. Chức vụ này là kiểm dạy tôn giáo và xã hội, Kiểm tra thúc đẩy tín đồ giữ nghi lễ về hôn nhân, tang tế.

3.000 Giáo hữu, mỗi phái 1.000 người. Phẩm vị này chuyên lo truyền đạo. Còn một số hạn định là Lễ sinh, họ là nhiệm vụ Chủ tế.

Trước khi lên hàng Giáo phẩm Đầu Tộc phải ở địa vị Lễ sinh và được Thánh lệnh của một trường Cao Đài cấp phát.

Tóm lại chức Chưởng Pháp và Đầu sư được ứng cử lên bậc Giáo tông do cuộc phổ thông đầu phiếu tức là Huyền Vạn Linh và cũng do tuyển cử, ngoại trừ vị Thần linh mang cho ai, Đầu sư được đưa lên ngôi vị Chưởng Pháp, Phối Sư lên chức Đầu Sư, Giáo hữu lên chức Giáo sư, Lễ sinh lên chức Giáo hữu.

Giáo lý Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài họ định nghĩa Tôn giáo của họ như thế này: *"Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ"* (□□□□□□) là tôn giáo thành lập theo giáo lý của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế (giáng cơ xuống) Thượng Đế là Giáo tổ đạo này với danh hiệu "*Đạo Cao Đài*" (□□□).

Giáo tổ dạy (giáng cơ) phương pháp thực hành tôn giáo canh tân này phần lớn tuyển chọn những tinh hoa của ba tôn giáo quan trọng nhất ở Á Đông là Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo.

Căn cứ vào ngày 13 tháng 10 năm 1927, thông cáo của Thần Tiên Lý Thái Bạch phán rằng: "*Cùng nhóm tín đồ cầu cơ) tranh đấu cùng Ta gieo rắc trong các dân tộc sự ham muốn hành thiện nghiệp, lòng yêu chuộng thụ vật Thượng Đế dựng nên. Giáo huấn họ nhận thức công lý và nhẫn nại, chứng tỏ cho nhân loại biết rằng nhân quả do hành động đó là lý tưởng của Đại Đạo...*

Đấng Chí tôn đại đạo giáng lâm để vạch rõ đường lối thánh thiện, hãy tận tâm theo Ngài thì linh hồn được an tịnh. Mỗi ngày hãy tiến lên trong ái mộ, hãy hợp nhất, hãy tương ái tương thân đó là Thần pháp.

Trong vũ trụ vì nhận loại vụ lợi ham muốn nên tạo tội lỗi lào vào cõi địa ngục làm nhơ nhớp linh hồn. . ."

Sau đó, có một thông cáo khác nói như thế này: *"Ngày xưa vì sự đi lại thiếu phương tiện nên ta theo mỗi dân tộc, ta đặc biệt khai mở các Đạo giáo có khác nhau trong thời gian ấy, ta đã sáng lập Ngũ Chi Hợp Nhất cho Đạo Cao Đài.*

Nhân loại: Nho giáo
Thần đạo: Quỷ thần lễ bái.
Thánh đạo: Cơ Đốc giáo
Tiên đạo: Lão giáo

Nhưng tôn giáo này vì căn cứ theo phong tục của mỗi dân tộc, mỗi đại phương là tuỳ theo phong hoá của thế giới.

Hiện thời trên địa cầu đã đi lại liên lạc thuận tiện rồi. Bởi cái tệ phân chia Đạo này khác Đạo kia nên xung đột nhau. Nay ta quyết định tập hợp các triết lý tôn giáo lại thành một khối duy nhất (Tam giáo Quy nguyên) và giáo lý thánh thiện, đã biến tính theo thời gian. Chính những người truyền giáo lại đóng vai chủ động trong những cuộc biểu tình đó quyết thân hành đến vạch rõ đường lối đường lối cho nhân loại".

Toà Thánh Tây Ninh, cơ sở đạo Cao Đài. Ảnh sưu tầm.

Căn cứ theo thông cáo trên, nền Đạo Cao Đài nhìn nhận:

1. Sự tồn tại của linh hồn.
2. Đạo Cao Đài là hỗn hợp nhiều tôn giáo trước đây.
3. Phương diện luân lý, Đạo Cao Đài ôn lại. Loài người nghĩa vụ đối với bản thân, với gia đình, với xã hội.
4. Phương diện luân lý dạy coi nhẹ công danh, tài sản vật chất, tìm an tịnh cho tâm hồn.
5. Nghi lễ tế tự thờ Thượng Đế là Đấng Cha chung của nhân loại (Thần nhãn một mắt họ thờ) và sùng bái các vị Thần linh. Thờ cúng Tổ tiên Ông bà nhưng không cúng huyết nhục, các loại thịt động vật, không đốt giấy tiền vàng mã.

6. Về tâm linh có tâm hồn luân hồi, sinh tử và có quả báo.
7. Tín đồ thực hành Đạo Cao Đài có hai hạng: Thượng thừa; Hạ thừa

Thượng thừa:

Gồm những tín đồ thể hiện qua hành đạo như ăn chay, kiêng lạm dụng rượu bia và các chất gây nghiện, không cạo râu tóc, không trang sức xa hoa và cấm dục. Tín đồ Thượng thừa phảo giữ Ngũ giới và Tứ đại điều quy. Y phục bằng vảitrawsxng hay nhuộm theo mỗi chi phái của Hội Thánh Cao Đài. Ngũ phái theo điều Đạo luật:

Cấm sát sinh

Cấm tham lam, lường gạt cướp bóc, cờ bạc, tàng trữ của gian (trộm nhưng vật lượm được từ kẻ khác).
Cấm ăn uống cao lương mỹ vị, rượu bia, làm rối loạn lý tính và trật tự xã hội.
Cấm oán hờn kiện tụng, mắng chửi, phỉ bang các tôn giáo bạn và bội ước.
Cấm nói dối, nói thêu dệt câu chuyện màu mè.

Ngoài trừ Ngũ giới, bậc Thượng thừa phải giữ Tứ đại điều quy:

1. Vâng mện lệnh thượng cấp, vui vẻ đón nhận những khuyến dụ của hạ cấp, lễ độ với mọi người, thành thực nhận tội lỗi của mình và ăn năn sám hối.
2. Không khoe khoang tài năng, biết khuyên nhũ kẻ khác giữ đạo, cũng không được lấy ân trả oán, không bưng bít công trạng người hiền đức.
3. Tuyệt đối thanh liêm, nhã nhặn trong xã giao. Cấp trên khuyên nhũ cấp dưới với cung cách độ lượng, cấp dưới phê bình cấp trên bằng sự cung kính.
4. Đối với các bậc niên trưởng lúc nào cũng cung kính (khi vắng mặt cũng như hiện diện) không đặt tư lợi trên công ích, tỏ long tuân theo Đạo luật. Không câu nệ với tư kiến làm phật long thượng hạ cấp.

Hạ thừa:

Ngoại trừ như trên. Thượng thừa ra; là thuộc Hạ thừa. Ngoài công vụ sinh hoạt, hàng giáo phẩm này lo việc Tế tự thường ngày, và tuân theo quy tắt của Đạo luật. Chỉ luật họ từng tự mỗi tháng vào các ngày sóc vọng, hai ngày trai đến lục trai và thập trai.

Làng xã địa phương nào có hơn 2.500 tín đồ thì Đức Giáo tông ban pháp thành lập Thánh thất Cao Đài. Tất cả tín đồ phải quy phục ông Đầu tộc và phải tham dự phiên họp mỗi tháng hai ngày giữa tháng (ngày Rằm tháng âm lịch) và ngày mồng 1 đầu tháng âm lịch. Đầu tộc cho lệnh đánh chuông Tế tự mỗi ngày tứ thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dần). Ai muốn gia nhập tín đồ Đạo Cao Đài phải có hai vị tín

đồ giới thiệu. Nhờ hai vị ấy tiến dẫn đến Đầu tộc. Cốt yếu phải thuộc làu kinh và Ngũ giới Tứ đại điều quy. Ngày ghi tên phải tuyên thệ trước Bảo điện. Sau lục trai lại đủ 10 ngày tín đồ có thể dung nạp vào Thánh thất để học khái niệm thụ Pháp.

Mỗi người ai cũng có thể nhập vào Thánh thất miễn là được tín đồ khác giới thiệu, đã giữ được nhân đạo trai giới. Thời gian ít nhất là 6 tháng.

Khi vào Thánh thất thì không còn thư từ qua lại thăm viếng khi chưa có phép, phải lo tu học, thực hành giới pháp đã thụ.

Cư xử tại gia phải tương trợ tương thân tương ái. Nếu có tranh cãi thì vị Đầu tộc làm trung gian phân giải.

Phân tích để cho thấy rõ Tam cương, Ngũ thường.
Nữ giới phải giữ Tam tòng Tứ đức
Tín đồ trang phục theo địa vị của mình.

Về trường học đến 13 tôi giáo pháp luận chú thích: "*Con cái 6 tuổi đến 12 tuổi, cha mẹ phải gửi con đến trường Đạo Cao Đài để giáo huấn về mặt Tôn giáo cũng như văn hoá.*"

Hiện nay, chính sách mở cửa của chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các tôn giáo, trong đó có cả Cao Đài giáo cũng được tạo điều kiện thuận lợi. Tòa Thánh Tây Ninh được mở cửa lại cho các hoạt động tôn giáo lớn của hàng triệu tín đồ, thậm chí được xem như một điểm di tích tham quan du lịch nổi tiếng của Việt Nam.

Từ năm 1995 đến 2011, chính quyền bắt đầu công nhận các tổ chức tôn giáo Cao Đài như những tổ chức hợp pháp, gồm 9 Hội Thánh Cao Đài, 1 tổ chức giáo hội Cao Đài Việt Nam (Bình Đức), 1 Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi và 18 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập. Ước tính hiện tại, toàn đạo có khoảng gần 3 triệu tín đồ trong cả nước, sinh hoạt tại 38 tỉnh thành, tập trung chủ yếu ở Nam Bộ. Ngoài ra, có khoảng 30.000 tín đồ nữa sống ở Hoa Kỳ, Canada, Campuchia, Châu Âu và Úc.

Ghi chú:

(1) Gbriel Gabren: Histoire et philosophie du CaoDaiame 213-214
(2) Gbriel Gbron: Histoire et philosophie du CaoDaiame 24
(3) Gbriel Gbron: Histoire et philosophie du CaoDaiame 74-752

Tác giả: **Sa môn Lê Văn Phước**